



Số: KQ.254.24.09-1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1 Đơn vị yêu cầu : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
- 2 Địa chỉ : Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản – Nam Định
- 3 Vị trí lấy mẫu : KCN Bảo Minh - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản
- 4 Số lượng/ Loại mẫu : 01 mẫu nước thải.
- 5 Ký hiệu : NTC21-09/24.
- 6 Thời gian gửi/lấy mẫu : 13/9/2024.

Bảng: Kết quả phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT(A)	Phương pháp
			NTC 21-09/24		
01	pH	-	7,47	6-9	TCVN6492:2011
02	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	36	50	TCVN6625:2000
03	Nhiệt độ	°C	34,2	40	SMEWW2550B:2017
04	Độ màu	Pt-Co	43	50	TCVN6185C:2008
05	COD	mg/l	54	75	SMEWW5220C:2017
06	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	30	TCVN6001-1:2008
07	Amoni (theo N)	mg/l	3,2	5	TCVN5988:1995
08	Sunfua	mg/l	0,12	0,2	SMEWW 4500S ² .B&D:2017
09	Clo dư	mg/l	<0,6	1	TCVN6225-3:2011
10	Tổng Photpho	mg/l	1,1	4	TCVN6202:2008
11	Asen	mg/l	<0,006	0,05	SMEWW 3114B:2017
12	Thủy ngân	mg/l	<0,0009	0,005	TCVN7877:2008
13	Cadimi	mg/l	<0,0012	0,05	SMEWW3113B:2017
14	Chì	mg/l	0,013	0,1	SMEWW3113B:2017
15	Crom(VI)	mg/l	<0,009	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Crom(III)	mg/l	<0,012	0,2	SMEWW 3113B:2017 SMEWW 3500Cr.B:2017
17	Đồng	mg/l	<0,09	2	SMEWW 3111B:2017
18	Kẽm	mg/l	0,056	3	SMEWW 3111B:2017
19	Niken	mg/l	<0,09	0,2	SMEWW 3111B:2017
20	Mangan	mg/l	0,136	0,5	SMEWW3111B:2017
21	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,09	-	TCVN6622-1:2009
22	Sắt	mg/l	0,35	1	TCVN6177:1996

BM16/02 -02

23	Clorua	mg/l	76	500	TCVN6194:1996
24	Tổng Phenol	mg/l	0,015	0,1	TCVN6216:1996
25	Dầu mỡ khoáng	mg/l	1	5	SMEWW 5520B&F:2017
26	Xianua	mg/l	<0,006	0,07	TCVN6181:1996
27	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.400	3.000	TCVN 8775:2011

Ghi chú

NTC21-09/24	Mẫu nước thải sau hồ sinh học của KCN, điểm trước khi chảy ra mương tiêu của xã sau đó ra kênh C9-5.
QCVN40:2011/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị với mẫu nêu trên
- Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định.

PHÒNG PHÂN TÍCH

Dinh Thị Huyền

Đinh Thị Huyền

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT

BM 01-7.8

Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 07240/2024/PKQ (24.1499)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ĐƠN VỊ GỬI MẪU: TRUNG TÂM QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH NAM ĐỊNH.
ĐỊA CHỈ: SỐ 192 CÙ CHÍNH LAN, THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

Kí hiệu mẫu	NTC21-09/24
Đặc điểm mẫu	Nước có màu vàng nhạt, ít cặn
Ngày nhận mẫu	Ngày 17 tháng 09 năm 2024
Ngày phân tích	Từ ngày 18/09/2024 đến ngày 24/09/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
1	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500F-.B&D:2023	0,146	5
2	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,03	0,1
3	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,01	1

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2024

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM

KIỂM TRA

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tâm

Nguyễn Thị Thu Thảo



Nguyễn Tất Đông